

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1 MÔN TIN HỌC 8 SÁCH CÁNH DIỀU

I. Nội dung ôn tập cuối kì 1 Tin học 8

Chủ đề A. Mạng máy tính và cộng đồng

- Trình bày sơ lược lịch sử phát triển máy tính
- Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.

Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

- Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với lưu lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyên đổi truyền và xử lý hiệu quả
- Trình bày được tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được các ví dụ minh họa

Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số

- Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số.
- Đảm bảo được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hóa và không vi phạm pháp luật.

Chủ đề E. Ứng dụng tin học

- Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức
- Giải thích được sự khác nhau giữa đại chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính.
- Nêu một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng sắp xếp và lọc dữ liệu – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng tạo biểu đồ

2. Kỹ năng:

- Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lý và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh họa.
- Tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ cụ thể.
- Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh họa.
- Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế
- Sao chép được dữ liệu từ văn bản, trình chiếu sang trang tính
- Thực hiện các thao tác lọc, sắp xếp dữ liệu của phần mềm bảng tính.

- Thực hiện các thao tác tạo biểu đồ của phần mềm bảng tính
- Tạo được sản phẩm là văn bản có tính thẩm mỹ phục vụ nhu cầu thực tế

3. Thái độ:

- Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị.
- Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. –
Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. Một số câu hỏi ôn tập cuối kì 1 Tin học 8

PHẦN LÝ THUYẾT

Câu 1. Lọc dữ liệu nhằm?

- A. Lọc ra các dữ liệu có ích.
- B. Chỉ hiển thị những hàng thỏa mãn các điều kiện nhất định, các hàng còn lại sẽ bị ẩn đi.
- C. Hiển thị những dữ liệu mình muốn thấy.
- D. Xóa bỏ những dữ liệu không cần thiết.

Câu 2. Biểu tượng có chức năng gì?

- A. Sắp xếp dữ liệu theo nhiều cột.
- B. Sắp xếp theo dữ liệu ở cột giảm dần.
- C. Bỏ lọc dữ liệu trên một cột.
- D. Sắp xếp theo dữ liệu ở cột tăng dần.

Câu 3. Lọc theo điều kiện bằng cách?

- A. Sử dụng danh sách điều kiện của tùy chọn Number Filters hoặc Text Filters.
- B. Sử dụng danh sách điều kiện của tùy chọn Text Filters.
- C. Sử dụng danh sách điều kiện của tùy chọn Number Filters.
- D. Sử dụng danh sách điều kiện của nhóm lệnh Sort & Filter.

Câu 4. Cho danh sách điểm trung bình môn Tin học khối 8. Để hiển thị những học sinh có điểm thi cuối học kì 1 từ 8.0 trở lên, cần sử dụng điều kiện nào trong danh sách các điều kiện của tùy chọn **Number Filters**?

- A. Chọn điều kiện lọc Do Not Equal..., giá trị cần nhập để so sánh là 8.0.
- B. Chọn điều kiện lọc Greater Than Or Equal To..., giá trị cần nhập để so sánh là 8.0.

C. Chọn điều kiện lọc Less Than Or Equal..., giá trị cần nhập để so sánh là 8.0.

D. Chọn điều kiện lọc Top 10.

Câu 5. Mục đích của sắp xếp một bảng dữ liệu là gì?

A. Nhằm hoán đổi vị trí các hàng trong bảng dựa trên nội dung một cột để giá trị dữ liệu trên các hàng của cột đó được sắp xếp theo thứ tự tăng hoặc giảm dần.

B. Nhằm hoán đổi các giá trị dạng số trong bảng dựa trên nội dung một cột để giá trị dữ liệu trên các hàng của cột đó được sắp xếp theo thứ tự tăng hoặc giảm dần.

C. Nhằm hoán đổi vị trí các cột trong bảng dựa trên nội dung một hàng để giá trị dữ liệu trên các hàng của cột đó được sắp xếp theo thứ tự tăng hoặc giảm dần.

D. Nhằm hoán đổi các giá trị thời gian trong bảng dựa trên nội dung một cột để giá trị dữ liệu trên các hàng của cột đó được sắp xếp theo thứ tự tăng hoặc giảm dần.

Câu 6. Để thêm cột, ta cần chọn lệnh nào trong hộp thoại sắp xếp?

A. Options.

B. Delete Level.

C. Copy Level.

D. Add Level.

Câu 7. Biểu tượng  có chức năng gì?

A. Sắp xếp bảng theo nhiều cột khác nhau.

B. Sắp xếp bảng theo dữ liệu tăng dần.

C. Sắp xếp bảng theo dữ liệu giảm dần.

D. Sắp xếp bảng theo dữ liệu ngẫu nhiên.

Câu 8. Cho dữ liệu và biểu đồ của bảng xếp hạng số bàn thắng của các cầu thủ trong World Cup 2022 như hình vẽ. Em cần làm gì để có biểu đồ được vẽ với số bàn thắng thấp nhất ở dưới cùng và số bàn thắng cao nhất ở trên cùng?



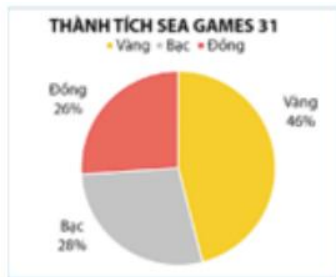
A. Sắp xếp bảng dữ liệu để cột Cầu thủ hiển thị theo thứ tự bảng chữ cái.

B. Sắp xếp bằng tay các thành phần của biểu đồ.

C. Sắp xếp bảng dữ liệu để cột Số bàn thắng hiển thị theo thứ tự giảm dần.

D. Sắp xếp bảng dữ liệu để cột Số bàn thắng hiển thị theo thứ tự tăng dần.

Câu 9. Dạng biểu đồ dưới đây thường được dùng để



A. so sánh dữ liệu nói chung.

B. biểu diễn các dữ liệu thay đổi theo thời gian.

C. biểu diễn tỉ lệ hoặc mức đóng góp của dữ liệu so với tổng thể.

D. xác định xu hướng tăng hay giảm của dữ liệu.

Câu 10. Điểm nổi bật của biểu đồ trong PMBT là

A. xuất hiện đồng thời các thành phần trong biểu đồ.

B. khả năng tự động cập nhật theo số liệu.

C. khả năng tăng giảm tự động của số liệu.

D. so sánh được các giá trị của số liệu.

Câu 11. Đâu **không** là thành phần cơ bản của biểu đồ?

A. Trục giá trị.

B. Tiêu đề của biểu đồ.

C. Phần trăm của số liệu.

D. Giá trị dữ liệu.

Câu 12. Bảng thông tin dưới đây cho biết thành tích SEA Games của Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2022, biểu đồ nào thích hợp để biểu diễn dữ liệu này?

Năm	Vàng	Bạc	Đồng	Tổng
2013	73	86	86	245
2015	73	53	60	186
2017	58	50	60	168
2019	98	85	105	288
2022	205	125	116	446

- A. Biểu đồ hình tròn.
- B. Biểu đồ đường.
- C. Biểu đồ hình quạt.
- D. Biểu đồ cột.

Câu 13. Câu lệnh **Insert/Charts** được dùng để làm gì?

- A. Chọn vùng dữ liệu được biểu diễn bằng biểu đồ.
- B. Chọn dạng biểu đồ.
- C. Chọn kiểu biểu đồ.
- D. Thay đổi kiểu biểu đồ.

Câu 14. Để thay đổi nội dung của tiêu đề biểu đồ, tiêu đề trục ta cần làm gì?

- A. Nháy chuột chọn thành phần muốn thay đổi, thay thế nội dung phù hợp.
- B. Chọn lệnh Font trên dải lệnh Home, chọn nhãn tiêu đề cần thay đổi, thay thế nội dung phù hợp.
- C. Nháy chuột chọn thành phần, kéo nội dung cần chọn ra khỏi màn hình.
- D. Nháy đúp chuột vào nội dung cần chọn và định dạng.

Câu 15. Sau khi nhập địa chỉ tương đối, em nhấn phím nào để chuyển địa chỉ tương đối thành địa chỉ tuyệt đối?

- A. F3.
- B. F4.
- C. F2.
- D. F1.

Câu 16. Địa chỉ tuyệt đối có đặc điểm?

- A. Thay đổi khi sao chép công thức.

B. Không thay đổi khi sao chép công thức.

C. Thay đổi theo từng phần mềm.

D. Thay đổi ngẫu nhiên.

Câu 17. Công thức tại ô E4 khi sao chép đến ô E5 thì?

	A	B	C	D	E
1	DANH SÁCH PHẦN MỀM ỨNG DỤNG				
2					
3	STT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng)	Số lượt mua	Doanh thu
4	1	Quản lý thời gian	39.999	50.000	=C4*D4
5	2	Trò chơi sáng tạo	109.000	50.000	
6	3	Thiết kế đồ họa	211.000	10.000	
7	4	Từ điển	0	20.000	
8	5	Quản lý bán hàng cá nhân	177.000	5.000	
9	6	Sở sức khỏe điện tử	0	10.000.000	

A. Các địa chỉ ô trong công thức sẽ không thay đổi.

B. Các địa chỉ ô trong công thức sẽ thay đổi giống ô E4.

C. Không xác định được khi sao chép công thức đến ô E5.

D. Các địa chỉ ô trong công thức sẽ tự thay đổi.

Câu 18. Biết công thức tại ô A3 là =D3*E4. Sao chép công thức ô A3 đến ô A4. Khi đó ô A4 có công thức là:

A. D4*E5.

B. D3*E5.

C. D4*E4.

D. D3*E4.

Câu 19. Để xóa bỏ một hình vẽ, ta nhấp chuột vào cạnh của hình vẽ sau đó nhấn phím.

A. Delete hoặc Backspace.

B. Shape Fill.

C. Picture.

D. Crop.

Câu 20. Lệnh **Shape Fill** nằm trong dải lệnh nào dưới đây?

A. Insert

B. Home

C. Drawing Tools/ Format

D. View

Câu 21. Biểu tượng  được dùng để

A. Thay đổi màu nền hình vẽ.

B. Thay đổi hình dạng hình vẽ.

C. Chèn thêm ảnh.

D. Hiệu chỉnh vị trí của khung vẽ.

Câu 22. Để chèn một hình đồ họa vào văn bản em nhấn chuột vào thẻ Insert rồi chọn:

A.  Pictures

B.  Shapes

C.  Chart

D.  SmartArt

Câu 23. Sử dụng lệnh sau đây để



A. Cắt xén ảnh.

B. Tạo khung vẽ.

C. Thêm hộp văn bản.

D. Hiệu chỉnh màu nền.

Câu 24. Dải lệnh sau đây xuất hiện khi nào?



A. Bất kì lúc nào.

B. Khi một ảnh được chọn.

C. Khi tô màu nền một hình.

D. Khi cắt xén một phần của ảnh.

Câu 26. Phát biểu nào dưới đây **sai** về sắp xếp dữ liệu trong phần mềm bảng tính?

A. Có thể sắp xếp theo dữ liệu ở một cột.

B. Có thể sắp xếp theo dữ liệu ở nhiều cột.

C. Chỉ có thể sắp xếp dữ liệu kiểu số.

D. Có thể sắp xếp dữ liệu kiểu kí tự theo thứ tự trong bảng chữ cái.

Câu 27. Để sắp xếp dữ liệu ở một cột theo thứ tự giảm dần em sử dụng nút lệnh nào dưới đây?

A.

B.

C.

D.

Câu 28. Muốn xóa bỏ tiêu chí sắp xếp ta chọn?

A. Sort & Filter

B. Copy Level

C. Add Level

D. Delete Level

Câu 29. Tình huống nào dưới đây cần sử dụng biểu đồ?

- A. Ứng dụng của máy tính
- B. Khái niệm và chức năng của máy tính
- C. Thể hiện lượng mưa ở Hà Nội trong năm 2022
- D. Đặc trưng của máy tính

Câu 30. Ví dụ nào dưới đây ta cần sử dụng biểu đồ tròn?

- A. Thể hiện nhiệt độ ở TP Hồ Chí Minh trong năm 2023
- B. So sánh số lượng học sinh xếp loại học lực tốt, khá giữa các lớp với nhau
- C. Biểu diễn số bạn xếp loại học lực tốt của lớp em qua các năm
- D. Biểu diễn tỉ lệ xếp loại học lực của lớp

Câu 31. Để tạo biểu đồ, ta sử dụng nhóm lệnh nào trong các nhóm lệnh dưới đây?

- A. Nhóm lệnh Editing trên dải lệnh Home.
- B. Nhóm lệnh Chart trên dải lệnh Insert.
- C. Nhóm lệnh Alignment trên dải lệnh Home.
- D. Nhóm lệnh Sort&Filter trên dải lệnh Data.

Câu 32. Bảng số liệu có đặc điểm:

- A. Chỉ có một chuỗi dữ liệu
- B. Chỉ có nhiều chuỗi dữ liệu
- C. Có thể gồm một hay nhiều chuỗi dữ liệu
- D. Không chứa dữ liệu.

Câu 33. Cho bảng số liệu như hình vẽ, các dữ liệu trên nên thể hiện dưới dạng biểu đồ nào?

Thời gian	Số học sinh
Không sử dụng	68
Dưới 1 giờ	131
1-2 giờ	146
3-4 giờ	72
Từ 5 giờ trở lên	12

- A. Biểu đồ hình quạt tròn.

B. Biểu đồ đường thẳng.

C. Biểu đồ cột.

D. Biểu đồ tròn.

Câu 34. Sắp xếp các việc dưới đây theo đúng thứ tự thực hiện tạo biểu đồ hình cột?

a) Chọn dạng biểu đồ hình cột.

b) Chọn kiểu biểu đồ.

c) Chọn khối ô tính chứa dữ liệu cần tạo biểu đồ.

d) Chọn thẻ Insert.

A. c – d – a – b.

B. d – c – a – b.

C. b – a – c – d.

D. c – a – b – d.

Câu 35. Trong các địa chỉ ô tính dưới đây, địa chỉ nào là địa chỉ tương đối?

A. B4.

B. \$B4.

C. \$B\$4.

D. B\$4.

Câu 36. Địa chỉ tuyệt đối là gì?

A. Địa chỉ ô tính có cả địa chỉ cột và địa chỉ hàng luôn được giữ nguyên khi sao chép.

B. Địa chỉ ô tính (bao gồm địa chỉ cột, địa chỉ hàng) có thể thay đổi khi sao chép công thức.

C. Địa chỉ ô tính có địa chỉ cột (hoặc địa chỉ hàng) được giữ nguyên và địa chỉ hàng (hoặc địa chỉ cột) có thể thay đổi khi sao chép công thức.

D. Địa chỉ ô tính có địa chỉ cột và địa chỉ hàng có thể thay đổi ngẫu nhiên khi sao chép.

Câu 37. Địa chỉ nào có thể thay đổi tên hàng hoặc tên cột khi sao chép công thức sang nơi khác?

A. Địa chỉ hỗn hợp

B. Địa chỉ tuyệt đối

C. Địa chỉ tương đối

D. Địa chỉ tương đối và tuyệt đối

Câu 38. Cho bảng tính sau, kết quả ở ô tính D4 tương ứng với công thức ở ô tính B2 là $=A2+B1$ được sao chép đến ô tính D4 là

	A	B	C	D
1	9	7	8	1
2	12		20	11
3	17	14	10	5
4	13	6	18	

A. 19.

B. 25.

C. 20.

D. 21.

Câu 39. Lệnh Chart Title có chức năng gì?

A. Thêm, xóa nhãn dữ liệu cho biểu đồ.

B. Chỉnh sửa, xóa, thêm chú giải.

C. Chỉnh sửa, xóa, thêm tiêu đề biểu đồ.

D. Thêm, xóa tiêu đề các trục.

Câu 40. Lệnh **Shapes** ở dải lệnh **Insert** được dùng để

A. Mở ra một bảng chọn các hình cơ bản.

B. Hiệu chỉnh kích thước, vị trí của khung vẽ.

C. Hiệu chỉnh màu nền, nét vẽ và kích thước hình vẽ.

D. Chèn ảnh.

PHẦN THỰC HÀNH

Bài tập 1. Cho bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	DOANH THU BÁN HÀNG CỦA CỬA HÀNG ĐIỆN TỬ 7A							
2						Thuế suất	8.5%	
3	STT	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Tổng tiền	
4	1	Điều hòa	35	8,500,000	?	?	?	
5	2	Máy giặt	25	7,300,000	?	?	?	
6	3	Tủ lạnh	42	5,763,000	?	?	?	
7	4	Ti vi	65	3,200,000	?	?	?	
8	5	Quạt	70	150,000	?	?	?	
9	6	Lò vi sóng	20	2,400,000	?	?	?	
10	7	Bàn là	37	245,000	?	?	?	
11	8	Bếp từ	28	1,545,000	?	?	?	
12	9	Ăm điện	105	120,000	?	?	?	
13	10	Nồi cơm điện	74	650,000	?	?	?	
14								

1.1. Hãy lập bảng tính trên và tính:

– **Thành tiền** = Đơn giá * Số lượng – **Thuế** = Thành tiền * **Thuế suất**

– **Tổng tiền** = Thành tiền + Thuế

1.2. Hãy sắp xếp **Tên hàng** theo thứ tự tăng dần của bảng chữ cái

1.3. (Copy bảng tính sang Sheet 2) Lọc ra các món hàng có **Số lượng** bán nhiều hơn 30 sản phẩm

1.4. (Copy bảng tính sang Sheet 3) Tạo biểu đồ doanh thu của cửa hàng (tính theo **Tổng tiền bán hàng**)

Bài tập 2. Cho bảng dữ liệu doanh thu của một phòng vé xem phim như sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	DOANH THU PHÒNG VÉ						
2				Giá vé	Ngày thường	85000	
3					Cuối tuần	110000	
4							
5				Lượng vé bán ra			
6	STT	Tên phim		Ngày thường	Cuối tuần	Tổng vé	Doanh thu
7	1	Chú ngựa bắt kham	24680	21167	?	?	
8	2	Thỏ Peter 2	32737	29813	?	?	
9	3	Mùa hè của Luca	26665	23289	?	?	
10	4	Khách sạn huyền bí	35170	32266	?	?	
11							

2.1. Hãy lập bảng tính trên và tính:

– Hãy tính **Tổng vé** đã bán cho từng phim

– **Doanh thu** của từng phim

– Tổng doanh thu của phòng vé

2.2. Hãy **sắp xếp Tên phim** theo thứ tự tăng dần của bảng chữ cái

2.3. (Copy bảng tính sang Sheet 2) **Lọc** ra phim có **Tổng vé** bán nhiều nhất

2.4. (Copy bảng tính sang Sheet 3) **Tạo biểu đồ** doanh thu của phòng bán vé xem phim (tính theo **Doanh thu**)

Bài tập 3. Cho bảng Dữ liệu tính tiền công theo số ca làm như sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG TÍNH TIỀN CÔNG THEO SỐ CA LÀM						
2							
3					Số tiền/1 ca (VND)	200000	
4							
5	STT	Họ tên	Số ca ngày	Số ca đêm	Tổng số ca	Tiền công	
6	1	Trần Hòa Mi	14	12	?	?	
7	2	Lê Sơn Ca	7	14	?	?	
8	3	Nguyễn Vành Khuyên	12	8	?	?	
9	4	Đình Chào Mào	16	9	?	?	
10	5	Trịnh Khổng Tước	13	10	?	?	
11	6	Võ Chích Chèo	8	14	?	?	
12		Tổng cộng	?	?	?	?	
13		Tổng tiền công	?	?	?	?	
14							

3.1. Hãy lập bảng tính trên và tính:

– Hãy tính **Tổng số ca** của mỗi người, biết **Tổng số ca** = Số ca ngày + Số ca đêm

– **Tiền công** = Tổng số ca * Số tiền/1 ca (VND)

– Tính Tổng cộng, Tổng tiền công

3.2. Hãy **sắp xếp Tên phim** theo thứ tự tăng dần của bảng chữ cái

3.3. (Copy bảng tính sang Sheet 2) **Lọc** ra phim có **Tổng vé** bán nhiều nhất

3.4. (Copy bảng tính sang Sheet 3) **Tạo biểu đồ** doanh thu của phòng bán vé xem phim (tính theo **Doanh thu**)

Bài tập 4. Cho bảng dữ liệu Danh sách phần mềm ứng dụng của công ty A như sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	DANH SÁCH PHẦN MỀM ỨNG DỤNG						
2				Tỉ lệ doanh thu của công ti			70%
3							
4	TT	Sản phẩm	Đơn giá (đồng)	Số lượt mua	Doanh thu	Doanh thu của công ti	
5	1	Quản lí thời gian	40000	1500	?	?	
6	2	Trò chơi sáng tạo	109000	24350	?	?	
7	3	Thiết kế đồ họa	211000	180	?	?	
8	4	Từ điển	0	20	?	?	
9	5	Quản lí bán hàng cá nhân	177000	500	?	?	
10	6	Sở sức khỏe điện tử	0	1000	?	?	
11							

4.1. Hãy lập bảng tính trên và tính:

– Hãy tính **Doanh thu** của công ty, biết **Doanh thu** = Đơn giá * Số lượt mua

– Doanh thu của công ti = Tỉ lệ doanh thu của công ti * Doanh thu

4.2. Hãy sắp xếp **Sản phẩm** theo thứ tự tăng dần của bảng chữ cái

4.3. (Copy bảng tính sang Sheet 2) Lọc ra sản phẩm có **Doanh thu** nhiều nhất

4.4. (Copy bảng tính sang Sheet 3) Tạo biểu đồ doanh thu của phòng bán vé xem phim (tính theo **Doanh thu của công ti**)

LINK ÔN TẬP TRẮC NGHIỆM: <https://azota.vn/de-thi/rof3et>